

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST

Ngày 22-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang.
2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1993 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Nguyễn Bá T và bà: Trần Thị Đ; có chồng: Nguyễn Thế H và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

- Bị hại: Anh Trương Việt H, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Lại Thị M, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh H có mặt, anh H, bà L vắng mặt, chị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, anh Trương Việt H sử dụng nick “Truong Viet H” kết bạn qua mạng xã hội Facebook với nick “Dieulinh Hoang” của Nguyễn Thị H. Hà giới thiệu tên là L ở xã T, huyện V. Sau một thời gian nhắn tin, nói chuyện qua mạng Facebook, Zalo, anh H và H nảy sinh tình cảm, đã gặp nhau 05 lần. Khoảng 18 giờ 35 phút ngày 04 tháng 12 năm 2020, H hẹn gặp anh H tại ngã ba gốc cây gạo ở thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. H đi xe đạp, còn anh H đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển số đăng ký 34B4-xxx.xx. Sau khi gặp nhau, H và anh H vào nhà nghỉ A ở thôn Ô, xã T, huyện V thuê phòng 303 để ngủ qua đêm. Khoảng 05 giờ 40 phút ngày 05 tháng 12 năm 2020, H dậy, thấy anh H vẫn đang ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh H. H đến lấy chiếc ví trong túi quần dài của anh H treo trên mắc, mở ví lấy 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, 01 căn cước công dân đều mang tên anh Trương Việt H và chìa khóa xe mô tô. H để ví lại trong túi quần của anh H rồi vào nhà tắm cho tiền, giấy tờ, chìa khóa xe vào trong ví của H. Khi ra thấy điện thoại của anh H đang cắm sạc ở cuối giường, H mở điện thoại của anh H lên xóa hết hình ảnh chụp chung giữa hai người, xóa số điện thoại liên lạc và hủy kết bạn qua mạng Facebook, Zalo mục đích để anh H không liên lạc được với H, rồi để điện thoại vào vị trí cũ. H mở cửa phòng đi về thì anh H tỉnh dậy, H nói về trả xe, xin nghỉ làm rồi quay lại. Anh H ngủ tiếp, còn H đi xuống tầng 1 bảo chị Lại Thị M, là chủ nhà nghỉ mở cửa. H dùng chìa khóa xe mở ổ khóa điện rồi đi xe mô tô của anh H đến gửi ở quán bánh mỳ của bà Phạm Thị L ở thôn Ô, xã T. H đi bộ quay lại nhà nghỉ lấy xe đạp rồi tiếp tục gửi xe đạp ở quán bánh mỳ của bà L và đi xe mô tô của anh H đến gửi ở chợ M, xã T rồi lại quay lại lấy xe đạp đi về nhà. Khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, H quay lại chợ lấy xe mô tô đi về nhà, để xe tại lán xe của gia đình. Anh Nguyễn Thế H là chồng H hỏi xe ở đâu thì H nói dối

là xe của anh một người bạn có ý định bán với giá 12.000.000 đồng và đưa giấy tờ xe cho anh H xem. Sau khi ngủ dậy, biết bị mất tiền và xe, anh H có đơn trình báo Công an xã T. Đến 10 giờ 30 ngày 06 tháng 12 năm 2020, Công an xã T phát hiện, quản lý xe mô tô và đưa H đến trụ sở để làm việc.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KLHD ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình kết luận: “Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh, đen, bạc, số loại Wave anpha, đeo biển kiểm soát 34B4-xxx.xx, đã qua sử dụng, giá trị của xe: 14.000.000 đồng. Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng”.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSVT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt: Nguyễn Thị H mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trương Việt H đã được trả lại 01 xe mô tô, số tiền 200.000 đồng, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, 01 căn cước công dân, chìa khóa xe mô tô. Anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, do đó không đặt ra giải quyết.

Xử lý vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, 02 sim điện thoại và 01 ví màu nâu.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo và sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại anh Trương Việt H; Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 07/12/2020 tại nhà nghỉ A ở thôn Ô , xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; Bản ảnh đặc điểm trang phục của bị cáo; Biên bản kiểm tra, trích xuất dữ liệu camera do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 10 giờ 40 phút ngày 07/12/2020 tại nhà nghỉ A; Kết luận định giá tài sản số 38/KLHD ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V; Kết luận giám định số 06/KLGĐĐT-PC09 ngày 22/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Thế H, chị Lại Thị M và bà Phạm Thị L.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 05 giờ 40 phút ngày 05 tháng 12 năm 2020, tại nhà nghỉ A ở thôn Ô , xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Trương Việt H, Nguyễn Thị H đã trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển số đăng ký 34B4-xxx.xx, trị giá 14.000.000 đồng và số tiền 200.000 đồng cùng giấy tờ xe, căn cước công dân của anh H. Tổng trị giá tài sản H trộm cắp của anh H là 14.200.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Hành vi của Nguyễn Thị H đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi trộm cắp tài sản Nguyễn Thị H đã thực hiện đối với anh Trương Việt H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ tình cảm giữa bị cáo và bị hại, lợi dụng lúc bị hại sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Trương Việt H, tổng giá trị H chiếm đoạt là 14.200.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo đồng thời có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Anh Trương Việt H đã được trả lại 01 xe mô tô, số tiền 200.000 đồng, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô, 01 căn cước công dân, 01 chìa khóa xe mô tô. Anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho anh Trương Việt H: 01 xe mô tô, số tiền 200.000 đồng, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng

nhận bảo hiểm xe mô tô, 01 căn cước công dân, chìa khóa xe mô tô. Việc trả lại tài sản là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 2016 màu vàng đồng, 02 sim điện thoại và 01 ví màu nâu là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về vấn đề khác trong vụ án:

Việc anh Trương Việt H và Nguyễn Thị H có quan hệ tình cảm nam nữ, trong khi H đã kết hôn với anh Nguyễn Thế H, anh H đã ly hôn ngày 21 tháng 01 năm 2020. Quá trình điều tra xác định mối quan hệ giữa anh H và H chưa gây hậu quả làm cho quan hệ hôn nhân giữa H và anh H ly hôn, cả hai chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm chế độ một vợ một chồng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt Nguyễn Thị H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 2016 màu vàng đồng, 02 sim điện thoại và 01 ví màu nâu.
(*Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo Phiếu nhập kho vật chứng ngày 09 tháng 02 năm 2021*).
4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22 tháng 3 năm 2021). Anh Trương Việt H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND tỉnh Thái Bình,
- VKS nhân dân huyện V
- Công an huyện V
- Chi cục THADS huyện V
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở TP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)